| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LONG THÀNH**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2020
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa* phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phụng
*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Văn Huynh
2. Bà Lê Thị Ánh Sáng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Linh Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 728/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Đặng Quốc T, sinh năm 1992 (có mặt).
Địa chỉ: Số 2047/12, tổ 6, ấp 1, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
- *Bị đơn*: Chị Trịnh Ngọc H, sinh năm 1992 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 1996/7, tổ 2, ấp 1, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 6 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đặng Quốc T trình bày*:

Anh và chị Trịnh Ngọc H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, năm 2015 do chị H gây ra nợ nần anh

T đã trả nợ xong đến năm 2018 thì chị H tiếp tục gây ra nợ, tháng 9/2018 chị H bỏ về nhà mẹ ruột sống tại tổ 2, ấp 1, xã P, huyện L, vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Có một cháu tên Đặng Quốc Đ, sinh ngày 29/7/2014; Anh đề nghị tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 23 tháng 12 năm 2019, bị đơn chị Trịnh Ngọc H trình bày:*

Chị và anh T kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không có tiếng nói chung trong quan hệ vợ chồng đến tháng 9/2018 chị về nhà mẹ ruột sống tại tổ 2, ấp 1, xã P, huyện L, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay anh T xin ly hôn chị đồng ý theo yêu cầu của anh T.

Về con chung: Có một cháu tên Đặng Quốc Đ, sinh ngày 29/7/2014; chị đồng ý cho anh T tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Ý kiến Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Đặng Quốc T. Con chung: Giao anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung, tạm thời chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không xét. Án phí dân sự sơ thẩm anh T phải chịu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trịnh Ngọc H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai

(giấy chứng nhận kết hôn số 153, quyển số 01 ngày 20 tháng 9 năm 2013) nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Anh T xin ly hôn chị H đồng ý, xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã thực sự trầm trọng, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ giữa năm 2015 đến nay, vợ chồng thường xuyên cãi vã, chị H về nhà mẹ ruột sinh sống ly thân anh T từ tháng 9/2018 đến nay. Chứng tỏ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nên cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T, xử cho anh T được ly hôn với chị H.

[3]. Về con chung: có một cháu tên Đặng Quốc Đ, sinh ngày 29/7/2014, sau khi ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, chị H cũng đồng ý giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Thời gian qua cháu Đ được anh T nuôi dưỡng tốt. Vì vậy, cần giao cháu Đ cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Anh T nuôi con không yêu cầu chị H cấp dưỡng nên không xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[5].Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 227, Điều 228; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án**.**

**Tuyên xử**:

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Đặng Quốc T, xử cho anh T được ly hôn với chị Trịnh Ngọc H.

2- Về con chung: Giao cháu Đặng Quốc Đ, sinh ngày 29/7/2014 cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, chị Trịnh Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trịnh Ngọc H được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3- Tài sản chung, nợ chung: Không xét.

4- Về án phí: Anh Đặng Quốc T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002587 ngày 02/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Anh T đã nộp đủ án phí.

Anh Đặng Quốc T được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trịnh Ngọc H được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND h. Long Thành (1);
- Chi cục THADS h. Long Thành (1);
- UBND xã P,GCNKH số 153 ngày 20/9/2013 (1);
- Đương sự (2);
- Lưu (3).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Phụng**